

PHIẾU THAM VẤN Ý KIẾN VỀ TÂM NHÌN, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG VÀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHỀ NGHIỆP CỦA MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đối tượng khảo sát: **Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia**

SỨ MẠNG, TÂM NHÌN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Trường Đại học Vinh được thành lập từ năm 1959. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, từ một trường đại học sư phạm đến nay Trường đã trở thành một trường đại học đa ngành và đa lĩnh vực. Nhà trường vinh dự là trường đại học đầu tiên của Trung ương đóng trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mảnh đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Vui lòng cho ý kiến góp ý về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường hiện nay.

Mức độ đồng ý

- ☐ 1: Hoàn toàn không đồng ý
- ☐ 2: Không đồng ý
- ☐ 3: Không có ý kiến
- ☐ 4: Đồng ý
- ☐ 5: Hoàn toàn đồng ý

I. Sứ mạng và tầm nhìn

1. Sứ mạng

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Diễn giải nội hàm:

Phát biểu sứ mạng cho biết Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực. Sản phẩm giáo dục đào tạo của Nhà trường đạt trình độ cao và được các nhà tuyển dụng đón nhận cũng như được xã hội thừa nhận. Với một bề dày lịch sử và truyền thống hơn 61 năm trong giáo dục đào tạo lĩnh vực sư phạm có uy tín nhất cả nước cũng như trong công tác NCKH cơ bản, khoa học giáo dục thì Trường Đại học Vinh phải là đầu tàu và có sứ mệnh dẫn dắt sự phát triển của hệ thống giáo dục khu vực Bắc Trung Bộ. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển, Trường Đại học Vinh đã cho thấy sự đổi mới, thích ứng với thế giới việc làm, đổi mới thích ứng với quá trình chuyển đổi công nghệ số và sáng tạo trong quá trình quản lý, điều hành; trong giáo dục đào tạo; trong NCKH và phục vụ cộng đồng, vì vậy Trường Đại học Vinh phải là Trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Ý kiến khác (nếu có)

Mức độ đồng ý

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

2. Tầm nhìn

Mức độ đồng ý

Đến năm 2030, Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á.

Diễn giải nội hàm:

Với sứ mạng là trung tâm đổi mới sáng tạo, Nhà trường đặt ra mục tiêu lý tưởng cho lộ trình 10 năm tới là xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành Đại học thông minh. Đại học thông minh là một khái niệm liên quan đến việc hiện đại hóa toàn diện mọi quá trình giáo dục, đó là nơi chia sẻ kiến thức một cách liền mạch và là một hệ thống xanh, mạnh mẽ, được cá nhân hóa, có trách nhiệm, tương tác và thích nghi, cũng như có thể truy cập mọi nơi, mọi lúc và từ mọi thiết bị. Đặc trưng của đại học thông minh là được hỗ trợ bằng công nghệ thông minh, sử dụng các công cụ thông minh và thiết bị thông minh (điển hình là thiết bị di động thông minh), mạng thế hệ mới, các ứng dụng phần mềm tương tác cao.

Lộ trình của tầm nhìn này được tạo dựng trên cơ sở khi nhà trường đang hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại, ứng dụng phần mềm thông minh và công nghệ số trong quá trình quản lý điều hành và sự nghiệp giáo dục đào tạo của mình. Nhà trường đã xác định các nhiệm vụ sẽ phải thực hiện để trở thành Đại học thông minh gồm 8 lĩnh vực:

1. Smart Campus Khuôn viên thông minh
2. Smart People Người học thông minh
3. Smart Education Giáo dục thông minh
4. Smart Research Nghiên cứu thông minh
5. Smart Quality Chất lượng thông minh
6. Smart Recruitment Nhân lực thông minh
7. Smart Governance Quản trị thông minh
8. Smart Influence Ảnh hưởng thông minh

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

Bên cạnh đó, với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao, sản phẩm đầu ra đạt chất lượng đáp ứng tốt với thị trường lao động, có mạng lưới hợp tác phát triển rộng khắp trong nước và nước ngoài, nhà trường có căn cứ và động lực để phấn đấu xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á (bảng xếp hạng QS Asia - xếp hạng các trường đại học Châu Á dựa vào các chỉ số liên quan đến uy tín của cơ sở giáo dục trong thế giới việc làm và môi trường học thuật).

Ý kiến khác (nếu có)

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ XÂY DỰNG

Xin vui lòng đánh giá như thế nào về mức độ phù hợp của mục tiêu CTĐT ngành Kinh tế xây dựng với yêu cầu của thể giới việc làm (xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn). Với mỗi yếu tố giới đây hãy đánh giá:

Mức độ đồng ý

- ☐ 1: Hoàn toàn không đồng ý
☐ 2: Không đồng ý
☐ 3: Không có ý kiến
☐ 4: Đồng ý
☐ 5: Hoàn toàn đồng ý

Mục tiêu của Chương trình đào tạo và Nhận xét về mục tiêu:

Mức độ đồng ý

Mục tiêu tổng quát: (1) Cung cấp cho người sử dụng lao động một lực lượng lao động được đào tạo tốt, sẵn sàng và có thể đảm nhiệm các công việc liên quan đến ngành đào tạo ngay sau khi tốt nghiệp; (2) Cung cấp cho sinh viên một chương trình giáo dục toàn diện để đạt được các kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm giải quyết các thách thức về kỹ thuật và xã hội trong tương lai; (3) Sinh viên tốt nghiệp có nền tảng vững chắc trong lĩnh vực kinh tế xây dựng, cho phép tiếp tục học lên các cấp độ nâng cao; (4) Đào tạo các thể hệ kỹ sư kinh tế xây dựng để đáp ứng những thách thức, nhu cầu và kỳ vọng của xã hội toàn cầu, có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai xây dựng và vận hành các công trình trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Các mục tiêu cụ thể:

- 1: Kiến thức, kỹ thuật và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế xây dựng;
- 2: Trách nhiệm nghề nghiệp, kỹ năng đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế xây dựng dựa trên các nguyên tắc về kỹ thuật, đạo đức và pháp lý;
- 3: Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm; Kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại;
- 4: Khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

- | | | | | | |
|---|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| 1. Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu. | ☐ 1 | ☐ 2 | ☐ 3 | ☐ 4 | ☐ 5 |
| 2. Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp. | ☐ 1 | ☐ 2 | ☐ 3 | ☐ 4 | ☐ 5 |
| 3. Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp. | ☐ 1 | ☐ 2 | ☐ 3 | ☐ 4 | ☐ 5 |

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô, mục tiêu CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông cần bổ sung thêm những nội dung nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

1. CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC

Xin vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ năng lực của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về kiến thức đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế xây dựng

Mức độ cần thiết

- ☐ 1: Không cần thiết
☐ 2: Ít cần thiết
☐ 3: Không biết
☐ 4: Cần thiết
☐ 5: Rất cần thiết

Mức độ năng lực sinh viên đạt được

- ☐ a: Hiểu
☐ b: Áp dụng
☐ c: Phân tích
☐ d: Đánh giá
☐ e: Sáng tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT và các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra

Mức độ cần thiết

Mức độ năng lực sinh viên HIỆN đạt được

Mức độ năng lực sinh viên CẦN đạt được

CĐR 1.1: Hiểu biết kiến thức khoa học chính trị, xã hội và pháp luật

Hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Triết học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin)

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Hiểu biết về tư tưởng Hồ Chí Minh

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Hiểu biết về chủ nghĩa xã hội khoa học

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Hiểu biết về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Hiểu biết về An ninh – Quốc phòng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Có năng lực thể chất đạt yêu cầu và được cấp chứng chỉ giáo dục thể chất

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

CDR 1.2: Hiểu biết kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học kỹ thuật

Hiểu biết những kiến thức cơ bản về ngành kỹ thuật

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức cơ bản về toán học, vật lý, hoá học

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điện, điện tử

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được những kiến thức cơ bản về tin học cho nhóm ngành kỹ thuật

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết về quản trị doanh nghiệp và marketing

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

CDR 1.3: Áp dụng kiến thức về cơ sở ngành như các môn cơ học, địa kỹ thuật công trình, nền móng công trình, vật liệu xây dựng, quản trị doanh nghiệp và marketing, kết cấu BTCT cơ bản, kết cấu thép, kinh tế xây dựng và nghiệp vụ đấu thầu, kinh tế đầu tư và tài chính trong xây dựng,...

Hiểu biết những kiến thức hình hoạ - vẽ kỹ thuật

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức cơ học cơ sở

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức về kiến trúc xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức về vật liệu xây dựng trong xây dựng công trình

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức địa kỹ thuật công trình

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức cơ học kết cấu

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức sức bền vật liệu

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức về máy xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức nền móng công trình

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức cơ bản về kết cấu thép

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Hiểu biết những kiến thức cơ bản về kết cấu bê tông cốt thép cơ bản

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Vận dụng được những kiến thức cơ sở ngành

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

CDR 1.4: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành Kinh tế xây dựng.

Nắm được kiến thức kinh tế xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được kiến thức nghiệp vụ đấu thầu

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được kiến thức kinh tế đầu tư và tài chính trong xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được kiến thức định mức kỹ thuật trong xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được kiến thức xây dựng công trình

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được kiến thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được kiến thức định giá sản phẩm xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Nắm được kiến thức hạch toán kế toán trong xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Vận dụng được hệ thống kiến thức chuyên môn vào bài toán cụ thể trong lĩnh vực kinh tế xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

CDR 2.1: Thể hiện đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp

Thể hiện tính nghiêm túc, trung thực trong công việc

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ e

Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công việc

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

Thể hiện tính kỷ luật trong công việc ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ e ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

CDR 2.2: Sử dụng thành thạo và hiệu quả các thiết bị công nghệ vào việc thực hiện các nhiệm vụ trong các dự án cụ thể.

Có khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị thí nghiệm vật liệu xây dựng ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Có khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị thí nghiệm địa kỹ thuật công trình ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

CDR 2.3: Thể hiện kỹ năng nghề nghiệp

Có khả năng tiếp cận, triển khai các hoạt động trong lĩnh vực lập, thẩm định các dự án đầu tư, lập giá sản phẩm xây dựng, quá trình đấu thầu. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Có khả năng tổ chức quản lý thực hiện các dự án đầu tư, tổ chức thi công, giám sát thi công các công trình xây dựng ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Có khả năng lập các hồ sơ thanh, quyết toán ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Có khả năng thực hiện các công tác quản lý Nhà nước về xây dựng, Quản lý sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp xây dựng. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

CDR 2.4: Ứng dụng các phần mềm tính toán, thiết kế, quản lý dự án trong xây dựng.

Nhận dạng và xác định vấn đề ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Mô hình hóa vấn đề ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Phân tích vấn đề ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Giải quyết vấn đề sử dụng các kiến thức, phương pháp kỹ thuật ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Kết luận tổng hợp vấn đề ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

CDR 2.5: Thể hiện tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ

Vận dụng được kiến thức để học tập nâng cao kiến thức, trình độ. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Phân tích được các vấn đề đã học để nâng cao kiến thức, trình độ ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

Vận dụng được các kiến thức đã học để tư duy sáng tạo

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Ứng dụng kiến thức để lập giả thuyết về các khả năng có thể xảy ra

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Ứng dụng kiến thức để khảo sát bằng thực nghiệm hoặc bằng phương pháp số

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Ứng dụng kiến thức để điểm định giả thuyết đã đưa ra

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

CDR 3.1: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong việc giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn.

Có khả năng đảm nhận các nhiệm vụ được phân công trong nhóm

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Thể hiện khả năng lãnh đạo nhóm

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Thể hiện khả năng hợp tác khi làm việc nhóm

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

CDR 3.2: Có kỹ năng thuyết trình

Áp dụng giao tiếp bằng văn bản

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Áp dụng giao tiếp điện tử/đa truyền thông

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Có khả năng thuyết trình hiệu quả

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

CDR 3.3: Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Có khả năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Có khả năng viết và trình bày một vấn đề thực tiễn bằng ngoại ngữ

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

CDR 4.1: Hiểu bối cảnh Doanh nghiệp và xã hội

Hiểu biết vai trò và trách nhiệm của người kỹ sư

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
☐ e

Hiểu biết tác động của kỹ thuật đến xã hội và môi trường

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

Hiểu biết các quy định của Nhà nước về lĩnh vực kỹ thuật	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ e ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ e ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Hiểu biết văn hóa làm việc của công ty xây dựng	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Hiểu biết luật pháp, quy định của công ty / cơ quan	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức đã tích lũy vào công việc thực tế tại đơn vị thực tập	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Có khả năng đề xuất nội dung công việc phù hợp với thực tiễn đơn vị thực tập	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
CDR 4.2: Hình thành ý tưởng kỹ thuật			
Có khả năng đề xuất sơ bộ giải pháp kinh tế và kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Có khả năng lựa chọn giải pháp kinh tế và kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
CDR 4.3: Hiện thực hoá các ý tưởng bằng các công cụ, giải pháp kỹ thuật			
Ứng dụng lập, thẩm định các dự án đầu tư, lập giá sản phẩm xây dựng, lập các hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng, thanh quyết toán vốn đầu tư	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Phân tích lựa chọn giải pháp kinh tế kỹ thuật phù hợp	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Áp dụng kiến thức về kinh tế xây dựng, nghiệp vụ đấu thầu, kinh tế đầu tư, định mức kỹ thuật, định giá sản phẩm và hạch toán kế toán trong xây dựng	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Chọn lọc và tối ưu hóa trong quá trình hình thành các dự án đầu tư xây dựng	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
CDR 4.4: Có khả năng thực hiện các công việc Quản lý Nhà nước về xây dựng, Quản lý sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp xây dựng			
Áp dụng được các kiến thức chuyên môn để tham gia quản lý hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp quản lý, khai thác các công trình, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động xây dựng công trình	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e
Áp dụng được các kiến thức về thi công công trình xây dựng vào lập, thẩm định các dự án đầu tư, lập giá sản phẩm xây dựng, lập các	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e	☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ e

hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng, thanh quyết toán vốn đầu tư

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành Kinh tế xây dựng cần bổ sung thêm những chuẩn kiến thức nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

2. CHUẨN ĐẦU RA VỀ KỸ NĂNG, THÁI ĐỘ

Xin vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ thành thạo của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế xây dựng

Mức độ cần thiết

- ☐ 1: Không cần thiết
- ☐ 2: Ít cần thiết
- ☐ 3: Không biết
- ☐ 4: Cần thiết
- ☐ 5: Rất cần thiết

Mức độ thành thạo đạt được

- ☐ a: Có thể tham gia, đóng góp
- ☐ b: Có thể hiểu, giải thích
- ☐ c: Có kỹ năng thực hành, thực hiện
- ☐ d: Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới

Chuẩn đầu ra

2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

2.1.1. Thể hiện tính nghiêm túc, trung thực trong công việc

2.1.2. Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công việc

2.1.3. Thể hiện tính kỷ luật trong công việc

2.2.1. Có khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị thí nghiệm vật liệu xây dựng

Mức độ cần thiết

Mức độ thành thạo HIỆN đạt được

Mức độ thành thạo CẦN đạt được

- | | | |
|---|---|---|
| ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 | ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d | ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d |
| ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 | ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d | ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d |
| ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 | ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d | ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d |
| ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 | ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d | ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d |

- 2.2.2. Có khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị thí nghiệm địa kỹ thuật công trình ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.3.1. Có khả năng tiếp cận, triển khai các hoạt động trong lĩnh vực lập, thẩm định các dự án đầu tư, lập giá sản phẩm xây dựng, quá trình đấu thầu. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.3.2. Có khả năng tổ chức quản lý thực hiện các dự án đầu tư, tổ chức thi công, giám sát thi công các công trình xây dựng ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.3.3. Có khả năng lập các hồ sơ thanh, quyết toán ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.3.4. Có khả năng thực hiện các công tác quản lý Nhà nước về xây dựng, Quản lý sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp xây dựng. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.4.1. Nhận dạng và xác định vấn đề ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.4.2. Mô hình hóa vấn đề ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.4.3. Phân tích vấn đề ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.4.4. Giải quyết vấn đề sử dụng các kiến thức, phương pháp kỹ thuật ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.4.5. Kết luận tổng hợp vấn đề ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.5.1. Vận dụng được kiến thức để học tập nâng cao kiến thức, trình độ. ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.5.2. Phân tích được các vấn đề đã học để nâng cao kiến thức, trình độ ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.5.3. Vận dụng được các kiến thức đã học để tư duy sáng tạo ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.5.4. Ứng dụng kiến thức để lập giả thuyết về các khả năng có thể xảy ra ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.5.5. Ứng dụng kiến thức để khảo sát bằng thực nghiệm hoặc bằng phương pháp số ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- 2.5.6. Ứng dụng kiến thức để điểm định giả thuyết đã đưa ra ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d
- Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành Kinh tế xây dựng cần bổ sung thêm những chuẩn nào về kỹ năng, phẩm chất cá nhân? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

- 3.1.1. Có khả năng đảm nhận các nhiệm vụ được phân công trong nhóm ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

3.1.2. Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

3.1.3. Thể hiện khả năng lãnh đạo nhóm

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

3.1.4. Thể hiện khả năng hợp tác khi làm việc nhóm

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

3.2.1. Áp dụng giao tiếp bằng văn bản

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

3.2.2. Áp dụng giao tiếp điện tử/đa truyền thông

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

3.2.3. Có khả năng thuyết trình hiệu quả

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

3.3.1. Có khả năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

3.3.2. Có khả năng viết và trình bày một vấn đề thực tiễn bằng ngoại ngữ

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CĐR CTĐT ngành Kinh tế xây dựng cần bổ sung thêm những chuẩn nào cho kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4. Năng lực thực hành nghề nghiệp

4.1.1. Hiểu biết vai trò và trách nhiệm của người kỹ sư

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.1.2. Hiểu biết tác động của kỹ thuật đến xã hội và môi trường

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.1.3. Hiểu biết các quy định của Nhà nước về lĩnh vực kỹ thuật

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.1.4. Hiểu biết văn hóa làm việc của công ty xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.1.5. Hiểu biết luật pháp, quy định của công ty / cơ quan

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.1.6. Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức đã tích lũy vào công việc thực tế tại đơn vị thực tập

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.1.7. Có khả năng đề xuất nội dung công việc phù hợp với thực tiễn đơn vị thực tập

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.2.1. Có khả năng đề xuất sơ bộ giải pháp kinh tế và kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.2.2. Có khả năng lựa chọn giải pháp kinh tế và kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.3.1. Ứng dụng lập, thẩm định các dự án đầu tư, lập giá sản phẩm xây dựng, lập các hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng, thanh quyết toán vốn đầu tư

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.3.2. Phân tích lựa chọn giải pháp kinh tế kỹ thuật phù hợp

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.3.3. Áp dụng kiến thức về kinh tế xây dựng, nghiệp vụ đấu thầu, kinh tế đầu tư, định mức kỹ thuật, định giá sản phẩm và hạch toán kế toán trong xây dựng

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.3.4. Chọn lọc và tối ưu hóa trong quá trình hình thành các dự án đầu tư xây dựng ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.4.1. Áp dụng được các kiến thức chuyên môn để tham gia quản lý hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp quản lý, khai thác các công trình, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động xây dựng công trình ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

4.4.2. Áp dụng được các kiến thức về thi công công trình xây dựng vào lập, thẩm định các dự án đầu tư, lập giá sản phẩm xây dựng, lập các hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng, thanh quyết toán vốn đầu tư ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d ☐ a ☐ b ☐ c ☐ d

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CĐR CTĐT ngành Kinh tế xây dựng cần bổ sung thêm những năng lực thực hành nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

XIN Ý KIẾN VỀ CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NHẪM ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CTĐT NGÀNH KINH TẾ XÂY DỰNG

Xin vui lòng cho ý kiến góp ý về các hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra.

Mức độ cần thiết

- ☐ 1: Rất không cần thiết
- ☐ 2: Không cần thiết
- ☐ 3: Bình thường
- ☐ 4: Cần thiết
- ☐ 5: Rất cần thiết

1. Để đạt được Mục tiêu và Chuẩn đầu ra ở trên, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, những hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nào sẽ phù hợp?

2. Để đạt được các Mục tiêu và Chuẩn đầu ra ở trên, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần quan tâm điều chỉnh những nội dung nào?

Nội dung**Mức độ cần thiết**

Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

Có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nước ngoài

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ

☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5

Ý kiến khác: